TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **20**/2020/DS-PT Ngày 19- 3- 2020 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Trương Văn Hai

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang***: Ông Huỳnh Thanh Phước- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 19 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 76/2019/TLPT- DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2019/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 48/2020/QĐPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1957 (Có mặt).

Nơi cư trú: Tổ 08, ấp VQ, xã VTT, huyện CP, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1 Ông Lê Văn N, sinh năm 1965 (Có mặt).

2.2 Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt).

Cùng cư trú: Ấp VH, xã VTT, huyện CP, tỉnh AG.

3. Người kháng cáo: Ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Kim P trình bày:

Ngày 26/6/2012 ông N và bà T có ký Tờ sang nhượng đất gắn liền với nhà ở để vay của bà P số tiền 71.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay 01 năm tính từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/6/2013, trong thời gian vay ông N, bà T đã đóng lãi

được 6.000.000đ. Khi vay ông N, bà T có thế chấp cho bà 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF ngày 25/02/2008, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 76,5m^2, tọa lạc tại xã VTT, huyện CP, tỉnh AG. Khi đến hạn ông N, bà T không trả tiền cho đến nay. Nay bà P yêu cầu ông N, bà T cùng có trách nhiệm trả lại số tiền 71.000.000đ và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 26/6/2012 đến ngày xét xử, đối với số tiền 6.000.000đ tiền lãi đã trả bà đồng ý khấu trừ vào tiền lãi.

Bị đơn là ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T trình bày:

Vào ngày 01/6/2009, ông bà có ký Tờ sang nhượng đất gắn liền với nhà ở để vay của bà P số tiền 50.000.000đ, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng. Khi vay ông bà có thế chấp 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 76,5m^2 tọa lạc tại xã VTT, huyện CP, tỉnh AG. Trong thời gian vay ông bà đã trả được 15.000.000đ tiền gốc và đã đóng lãi cho bà P rất nhiều lần nhưng ông bà không nhớ (khi đóng lãi ông bà không yêu cầu bà P ký nhận) do trong thời gian vay ông bà không đóng lãi nên bà P cộng 35.000.000đ tiền vốn và lãi 36.000.000đ thành 71.000.000đ và ông bà có ký Biên nhận ngày 26/6/2012. Nay bà P yêu cầu ông bà trả số tiền 71.000.000đ và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/6/2012 đến khi dứt nợ ông bà không đồng ý, ông bà chỉ đồng ý trả cho bà P số tiền 71.000.000đ, không đồng ý tính lãi và yêu cầu trả dần hàng tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ, đồng thời yêu cầu bà P phải trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF cho ông bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2019/DS- ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim P.

Buộc vợ chồng ông Lê Văn N, bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền 133.946.000đ (một trăm ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông N, bà T phải chịu 3.348.500đ (ba triệu ba trăm bốn mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 27 tháng 12 năm 2019 ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T nộp Đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số: 216/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, đề nghị quý tòa xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm cho ông bà xin trả nợ gốc và không phải chịu lãi suất.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử,

thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 phúc xử: Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T; Sửa Bản án số 216/2019/DS-ST ngày 17/12/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú. Bà P phải trả lại cho ông N và bà T Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF, thửa 188, tờ bản đồ số 24, diện tích 76,5m2, tọa lạc xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH xây dựng Tây Đô ngày 25/02/2008, được chỉnh lý biến động cho ông Rơi, bà Đắng ngày 04/3/2009.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của ông bà theo trình tự phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Kim P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn là ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo toàn bộ Bản án số 216/2019/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, đề nghị quý Tòa xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm cho ông bà xin trả nợ gốc và không phải chịu lãi suất.

[3] Xét thấy, tại Tờ sang nhượng đất gắn liền với nhà ngày 26/6/2012 ông N và bà T đồng ý chuyển nhượng cho bà P nhà ở gắn liền với phần đất diện tích 76,5m^2, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã VTT, huyện CP, tỉnh AG trị giá 71.000.000đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF cấp cho Công ty TNHH xây dựng Tây Đô ngày 25/02/2008, được chỉnh lý biến động cho ông Rơi, bà Đắng ngày 04/3/2009 và ông Rơi đã chuyển nhượng cho ông N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2007. Tuy nhiên, giữa bà P và ông N, bà T đều thống nhất bà P cho ông N, bà T vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông N, bà T cho rằng có vay của bà P số tiền 50.000.000đ và đã trả được 15.000.000đ nên còn nợ 35.000.000đ nhưng bà P cộng tiền lãi ông bà còn thiếu là 36.000.000đ bằng 71.000.000đ, do bà P gây áp lực nên ông N, bà T mới ký Tờ sang nhượng đất gắn liền với nhà ở ngày 26/6/2012 với số tiền 71.000.000đ. Lời trình bày của ông N, bà T không được bà P thừa nhận và ông N, bà T không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Do đó, cấp sơ thẩm đã căn cứ vào Tờ sang nhượng đất gắn liền với nhà ngày 26/6/2012 để buộc ông N, bà T cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà P số tiền 71.000.000đ là có căn cứ.

[4] Về lãi suất hai bên thỏa thuận 3%/tháng là cao, hợp đồng vay có thời hạn 01 năm nhưng quá trình giải quyết vụ án ông N, bà T không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên cấp sơ thẩm không xem xét là đúng với các quy định của pháp luật. Nay bà P yêu cầu ông N, bà T phải trả lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 26/6/2012 đến ngày xét xử. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 19/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì lãi suất được tính là 1,125%/tháng nhưng cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 26/6/2012 đến ngày 26/6/2013 là 12 tháng với mức lãi suất 0,75%/tháng là chưa

chính xác. Như vậy, lãi suất sẽ được tính từ ngày 26/6/2012 đến ngày xét xử (Ngày 17/12/2019) là 07 năm 05 tháng 21 ngày với mức lãi suất 1,125%/tháng bằng 71.647.875đ nhưng cấp sơ thẩm chỉ tính 68.946.000đ được trừ 6.000.000đ tiền lãi đã trả nên ông N, bà T còn phải trả lãi 62.946.000đ là đã có lợi cho ông N, bà T và bà P không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm ông N, bà T không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh ông bà đã trả lãi cho bà P nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông bà.

[5] Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF ngày 25/02/2008 có diện tích 76,5m^2, thửa đất số 188, tờ bản đồ số 24, tọa lạc tại xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã cấp cho Công ty TNHH xây dựng Tây Đô, đã được chỉnh lý biến động cho ông Rơi, bà Đắng ngày 04/3/2009 và ông Rơi đã chuyển nhượng cho ông N theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 22/8/2007 do ông N, bà T thế chấp cho bà P. Án sơ thẩm đã nhận định giao dịch dân sự vô hiệu và buộc bà P phải trả lại bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF ngày 25/02/2008 cho ông N, bà T là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phần quyết định của bản án lại không ghi là có thiếu sót nên cần nêu lên để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm. Do đó, cần sửa Bản án số 216/2019/DS- ST ngày 17 tháng 12 năm 2019, buộc bà P phải trả lại cho ông N, bà T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF ngày 25/02/2008.

Các phần khác của bản án các đương sự không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông N, bà T. Sửa Bản án số 216/2019/DS-ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú như đã nhận định trên và đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của ông N và bà T được chấp nhận một phần nên ông N, bà T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm, ông N và bà T được nhận tại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 315 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 216/2019/DS- ST ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Buộc ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T cùng phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim P số tiền 133.946.000đ (Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm bốn mươi sáu nghìn đồng).

4. Buộc bà Nguyễn Kim P phải trả lại cho ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T.01431gF ngày 25/02/2008 cấp

cho Công ty TNHH xây dựng Tây Đô và đã chỉnh lý biến động ngày 04/3/2009 cho ông Nguyễn Văn Rơi, bà Đinh Thị Đắng.

5. Về án phí: Ông Lê Văn N và bà Huỳnh Thị T phải nộp 3.348.500đ (Ba triệu ba trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm và ông N, bà T không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm. Án phí được khấu trừ vào 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006090 và số: 0006091 cùng ngày 27/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú nên ông N, bà T còn phải nộp 2.748.500đ (Hai triệu bảy trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.Châu Phú;
- TAND.H.Châu Phú;
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà